

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **265/2018/DS-ST**

Ngày: 28/8/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Châu Vũ Bình**;

2. Ông **Trương Hoàng Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 20/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-DS ngày 18/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 220/2018/QĐST-DS ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bé S**, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số 74, ô A, khu B, thị trấn D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Trần Văn H**, sinh năm 1950;

Nguyễn Thị O, sinh năm 1955;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Trần Kim D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Hữu T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số 74, ô A, khu B, thị trấn D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 23, Vũ Tùng, phường A, Quận B, TP. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Nguyễn Thanh U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp B, xã An T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Bà S, bà O, chị D có mặt;

Ông H, ông T, anh A, chị T, anh U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé Sáu trình bày: Bà là chủ đại lý thức ăn gia súc T và vợ chồng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị O có mua thức ăn tại đại lý của bà. Hai bên giao dịch với nhau khoảng năm 2012, hình thức mua bán là ghi sổ, mua gói đầu, sau 04 tháng heo xuất chuồng sẽ trả tiền. Qua tất toán sổ sách đến ngày 27/6/2017 vợ chồng ông H và bà O còn nợ bà số tiền 288.169.000 đồng. Ngày 04/7/2017, vợ chồng ông H bà O trả được 10.000.000 đồng; ngày 16/12/2017 trả 10.000.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông H và bà O còn nợ bà B số tiền 268.169.000 đồng. Nay bà S yêu cầu vợ chồng ông H bà O trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 268.169.000 đồng và bà yêu cầu tính lãi theo mức 0,83%/tháng, tính từ ngày 27/6/2017 đến ngày Tòa án xét xử. Thực hiện trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày: Bà có chăn nuôi gia súc nhưng bà mua của đại lý T, không có lấy thức ăn của cửa hàng bà S mà con của bà tên Trần Kim D là người mua bán giao dịch với bà S nhưng bà S nói vợ chồng bà O ký tên vào đầu sổ mua bán thì bà S mới đồng ý cho D mua bán. Do tin tưởng lời bà S nên vợ chồng bà H, ông O có ký tên trong sổ mà hiện bà S giữ, ông H không có ký tên vào sổ. Quá trình nhận thức ăn, thanh toán tiền đều do D tự giao dịch với bà S. Đây là nợ của chị D nhưng là mẹ ruột nên bà xin được trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên và xin không trả lãi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Kim D trình bày: Chị là con ruột của bà H, ông O và nhà của chị ở kế bên nhà ông H bà O. Năm 2012 chị có giao dịch mua bán thức ăn với bà S, hình thức mua bán là ghi nợ, mỗi tuần bà S giao thức ăn và ký tên “D” vào sổ theo dõi mua bán, đến khi xuất chuồng thì chị D trả và tiếp tục lấy thức ăn cho đợt chăn nuôi sau. Chị có lấy một sổ riêng để theo dõi nợ và tiền trả cho bà S. Ba mẹ chị D có chăn nuôi nhưng không mua bán lấy thức ăn của đại lý bà S, do lúc giao thức ăn thấy ba mẹ chị ở kế bên nhà nên mẹ chị ký nhận thay, đồng thời bà O mẹ chị có ký nhận vào hợp đồng mua bán và giấy chốt nợ. Ngày 27/6/2017, chị D ngưng không mua thức ăn của đại lý của bà S, hai bên đối chiếu nợ thì chị D còn nợ số tiền 288.169.000 đồng, sau đó ngày 04/7/2017 chị D trả 10.000.000 đồng, ngày 16/12/2017 trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại 268.169.000 đồng. Đây là nợ của chị D nên chị đồng ý trả số tiền trên cho bà S nhưng do hoàn cảnh khó khăn chị xin được trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi hết số tiền nợ trên và xin không tính lãi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông là chồng của bà S là có đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng mọi việc giao dịch mua bán thức ăn với khách hàng đều do bà S thực hiện. Nay bà S khởi kiện thì ông không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Người làm chứng chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày: Chị có phụ bán thức ăn gia súc với bà S với nhiệm vụ làm sổ, giao nhận hàng và tiền. Thời gian từ đầu năm 2017, chị có đến nhà bà O để giao nhận thức ăn và nhận tiền, còn việc làm hợp đồng mua bán và xác nhận nợ là do bà S tự thực hiện, chị không nắm rõ.

* Người làm chứng anh Nguyễn Hoàng A trình bày: Anh là con của bà S, trong thời gian từ đầu năm 2014 đến cuối năm 2016, anh có về bán phụ thức ăn với bà S và anh có đi giao hàng, nhận tiền từ bà O về đưa cho bà S, còn việc làm hợp đồng mua bán và xác nhận nợ là do bà S tự thực hiện, anh không nắm rõ.

* Người làm chứng anh Nguyễn Thanh U trình bày: Anh là chủ đại lý thức ăn T. Năm 2014 vợ chồng ông H, bà O có mua bán thức ăn với đại lý của anh và hiện nay vẫn còn giao dịch mua bán, việc mua bán của vợ chồng ông H, bà O có mua ở đâu nữa không thì anh hoàn toàn không biết nên anh không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Bé S vẫn giữ y yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị O trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 268.169.000 đồng và bà yêu cầu tính lãi theo mức 0,83%/tháng, tính từng thời điểm từ ngày 27/6/2017 đến ngày 04/7/2017 với số tiền 288.169.000 đồng; từ ngày 05/7/2017 đến ngày 16/12/2017 với số tiền 278.169.000 đồng; từ ngày 17/12/2017 đến ngày Tòa án xét xử là ngày 28/8/2018 với số tiền 268.169.000 đồng, số tiền lãi là 31.652.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 299.821.000 đồng. Thực hiện trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà O cho rằng bà không có giao dịch mua bán với bà S mà con bà là D mua bán, nay vì thường con nên bà cũng đồng ý trả số tiền 268.169.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và bà xin không trả lãi.

Chị D trình bày đây là tiền mua bán giao dịch giữa chị và bà S, không liên quan gì đến ông H, bà O. Nay chị đồng ý trả số tiền 268.169.000 đồng nhưng xin trả dần hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và chị xin không trả lãi.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ những chứng cứ, lời khai của đương sự thể hiện giữa bà S với bà O, ông H có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo. Do ông H, bà O không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà S làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà, do đó yêu cầu khởi kiện của bà S là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S khởi kiện ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị O có địa chỉ tại ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền mua bán thức ăn gia súc là 268.169.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005; quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà S và ông H, bà O có xác lập quan hệ mua bán tài sản là thức ăn gia súc. Phía bà S đã giao hàng hóa đầy đủ cho phía ông H, bà O và hai bên đã tất toán sổ sách thì ông H, bà O còn nợ bà S số tiền vốn là 268.169.000 đồng nhưng phía vợ chồng bà O không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền. Do đó làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà S, nên yêu cầu khởi kiện của bà S buộc ông H, bà O phải trả vốn 268.169.000 đồng và lãi 0,83%/tháng đối với số tiền tính từng thời điểm cụ thể như sau:

- Từ ngày 27/6/2017 đến ngày 04/7/2017 là 08 ngày x 288.169.000 đồng x 0,83%/tháng thành tiền (làm tròn số) là 638.000 đồng.

- Từ ngày 05/7/2017 đến ngày 16/12/2017 là 05 tháng 11 ngày x 278.169.000 đồng x 0,83%/tháng thành tiền (làm tròn số) là 12.391.000 đồng.

- Từ ngày 17/12/2017 đến ngày 28/8/2018 là 08 tháng 11 ngày x 268.169.000 đồng x 0,83%/tháng thành tiền (làm tròn số) là 18.623.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là 299.821.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của bà O cho rằng chị Trần Kim D là người mua bán giao dịch với đại lý bà S, bà không có nợ tiền của bà S nhưng do D là con ruột của bà nên bà đồng ý trả. Lời khai này không có cơ sở để chấp nhận, bởi việc mua bán giao nhận thức ăn, giao dịch hợp đồng do bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng với đại lý của bà S, chị D hoàn toàn không có ký hợp đồng mà chỉ ký nhận thay hàng hóa do chị D kế bên nhà bà O, ông H. Việc mua bán này đã lâu nhưng vợ chồng ông H không thanh toán tiền theo đúng như thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, kéo dài đến nay đã gây thiệt thòi ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S, chị D cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc giao dịch mua bán giữa chị và bà S nên yêu cầu khởi kiện của bà S buộc vợ chồng ông H, bà O phải trả số tiền vốn 268.169.000 đồng và lãi 31.652.000 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Việc bà Nguyễn Thị Bé S yêu cầu tính lãi với mức 0,83%/tháng là phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với ông Trần Văn H là chồng của bà Nguyễn Thị O, cả hai cùng chung hộ khẩu thường trú, ông H vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Tòa án chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 428, Điều 305 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé S.

1. Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền vốn 268.169.000 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm sáu mươi chín ngàn đồng), lãi 31.652.000 đồng (ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng), tổng cộng là 299.821.000 đồng (hai trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi một đồng), thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông H, bà O chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam qui định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị O, ông Trần Văn H có đơn xin xét giảm án phí ngày 16/7/2018 nên ông H, bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.495.525 đồng (bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Bé S số tiền 5.954.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36244 ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Ông Trần Văn H, ông Nguyễn Hữu T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng